

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 228/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2024

Về tranh chấp: Xác định cha cho con
chưa thành niên.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Đặng Thị Châu Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Xác định cha cho con chưa thành niên” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1984; số căn cước công dân: 037084011233; nơi đăng ký thường trú: Xóm E, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số D đường T, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1992; số căn cước công dân: 036192001504; nơi đăng ký thường trú: Số C T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số C T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Tiến D, sinh năm 1984;

số căn cước công dân: 0360840 10369; nơi đăng ký thường trú: Số C đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số C đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 27-5-2024, bản tự khai ngày 29-5-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Lê Văn Đ trình bày:

Anh và chị Vũ Thị Thu H quen biết nhau vào năm 2018 tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đó chị Vũ Thị Thu H và anh Trần Tiến D chưa ly hôn nhưng vợ chồng có mâu thuẫn nên đã sống ly thân với nhau. Anh và chị Phan Thị H1 cũng chưa ly hôn, nhưng cũng đang sống ly thân. Tháng 02/2022 anh và chị Phan Thị H1 đã ly hôn với nhau. Tháng 5/2024 chị Vũ Thị Thu H và anh Trần Tiến D đã ly hôn với nhau.

Anh và chị Vũ Thị Thu H bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian anh và chị Vũ Thị Thu H chung sống với nhau thì chị Vũ Thị Thu H đã có thai và sinh 02 con là cháu Vũ Phương A, sinh ngày 01-02-2020 và cháu Vũ Nam A1, sinh ngày 08-01-2023. Do hai con của anh và chị Vũ Thị Thu H sinh ra trong thời gian chị Vũ Thị Thu H chưa ly hôn với anh Trần Tiến D nên tại giấy chứng sinh của hai con chỉ có họ tên mẹ, không có họ tên cha; tên dự định đặt cho các con ghi trong giấy chứng sinh cũng lấy họ của mẹ. Cho đến hiện tại, cả hai con chung của anh và chị Vũ Thị Thu H đều chưa làm đăng ký khai sinh. Hiện tại anh Lê Văn Đ đề nghị Tòa án xác định hai cháu Vũ Phương A, sinh ngày 01-02-2020 và cháu Vũ Nam A1, sinh ngày 08-01-2023 là con đẻ của anh và chị Vũ Thị Thu H.

2. Tại bản tự khai ngày 29-5-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là chị Vũ Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Tiến D kết hôn với nhau vào năm 2012. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh Trần Tiến D xảy ra nhiều mâu thuẫn nên từ năm 2018 chị và anh Trần Tiến D đã sống ly thân, hai bên không còn quan hệ sinh lý với nhau. Đến tháng 5/2024 chị và anh Trần Tiến D đã ly hôn với nhau.

Trong thời gian chị và anh Trần Tiến D sống ly thân, vào năm 2018 chị có quen biết và sau đó đã chung sống như vợ chồng với anh Lê Văn Đ cho đến nay. Trong thời gian chung sống với anh Lê Văn Đ, chị đã sinh hai con chung với anh Lê Văn Đ là cháu Vũ Phương A, sinh ngày 01-02-2020 và cháu Vũ Nam A1, sinh ngày 08-01-2023. Khi chị sinh hai con thì chị vẫn chưa làm thủ tục ly hôn với anh Trần Tiến D nên trong giấy chứng sinh của hai con chỉ có họ tên mẹ, không có họ

tên cha; tên dự định đặt cho các con ghi trong giấy chứng sinh cũng lấy họ của mẹ. Hiện tại chị cũng chưa làm giấy khai sinh cho hai con. Chị **Vũ Thị Thu H** nhất trí với quan điểm khởi kiện của anh **Lê Văn Đ** và đề nghị Tòa án xác định anh **Lê Văn Đ** là cha đẻ của hai cháu **Vũ Phương A**, sinh ngày 01-02-2020 và cháu **Vũ Nam A1**, sinh ngày 08-01-2023.

3. Tại bản tự khai ngày 03-6-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Trần Tiến D** trình bày:

Anh và chị **Vũ Thị Thu H** có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đã sống ly thân và không có quan hệ sinh lý với nhau. Đến tháng 5/2024 anh và chị **Vũ Thị Thu H** đã được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giải quyết cho ly hôn. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, cả anh và chị **Vũ Thị Thu H** đều không khai các con do chị **Vũ Thị Thu H** sinh ra vào năm 2020 và năm 2023 là con chung của vợ chồng.

Anh được biết trong thời gian từ năm 2018, khi anh và chị **Vũ Thị Thu H** sống ly thân với nhau thì chị **Vũ Thị Thu H** có quan hệ tình cảm và chung sống cùng với anh **Lê Văn Đ**. Sau đó chị **Vũ Thị Thu H** có sinh được hai con là cháu **Vũ Phương A**, sinh ngày 01-02-2020 và cháu **Vũ Nam A1**, sinh ngày 08-01-2023. Vì cả hai cháu đều được sinh ra trong thời gian anh và chị **Vũ Thị Thu H** sống ly thân với nhau nên cả hai cháu đều không phải là con đẻ của anh với chị **Vũ Thị Thu H**. Hiện tại anh **Trần Tiến D** đề nghị Tòa án xác định hai cháu **Vũ Phương A** và cháu **Vũ Nam A1** là con của anh **Lê Văn Đ** theo đúng quy định của pháp luật và không có liên quan gì đến anh.

4. Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã ra quyết định trưng cầu giám định số 02/2024/QĐ-TCGD ngày 27-5-2024 về việc trưng cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa anh **Lê Văn Đ** và hai cháu **Vũ Phương A**, sinh ngày 01-02-2020 và cháu **Vũ Nam A1**, sinh ngày 08-01-2023.

Tại phiếu kết quả phân tích ADN số: KQ 2404026 ngày 30-5-2024 của Hội đồng giám định khoa học **Công ty cổ phần D1 (G)** kết luận: Anh **Lê Văn Đ**, sinh ngày 26-11-1984, số căn cước công dân: 37084011233 và cháu **Vũ Phương A**, sinh ngày 01-02-2020, giấy chứng sinh số: TT 0004190, quyển số 0042, nơi sinh: **Bệnh viện T, thành phố Hồ Chí Minh** có quan hệ huyết thống: CHA-CON.

Tại phiếu kết quả phân tích ADN số: KQ 2404024 ngày 30-5-2024 của Hội đồng giám định khoa học **Công ty cổ phần D1 (G)** kết luận: Anh **Lê Văn Đ**, sinh ngày 26-11-1984, số căn cước công dân: 37084011233 và cháu **Vũ Nam A1**, sinh

ngày 08-01-2023, giấy chứng sinh số: TT 5749-DV, quyền số 080123, nơi sinh: **Bệnh viện T, thành phố Hồ Chí Minh** có quan hệ huyết thống: CHA-CON.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh **Lê Văn Đ** về việc xác định anh **Lê Văn Đ** là cha đẻ của hai cháu **Vũ Phương A**, sinh ngày 01-02-2020 và cháu **Vũ Nam A1**, sinh ngày 08-01-2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh **Lê Văn Đ** yêu cầu Tòa án giải quyết về việc xác định anh **Lê Văn Đ** là cha đẻ của hai cháu **Vũ Phương A**, sinh ngày 01-02-2020 và cháu **Vũ Nam A1**, sinh ngày 08-01-2023; bị đơn là chị **Vũ Thị Thu H** không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Trần Tiến D** không có yêu cầu độc lập. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là xác định cha cho con chưa thành niên.

1.2. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là anh **Lê Văn Đ**, bị đơn là chị **Vũ Thị Thu H**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Trần Tiến D** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **Lê Văn Đ**, chị **Vũ Thị Thu H** và anh **Trần Tiến D**.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Chị **Vũ Thị Thu H** và anh **Trần Tiến D** là vợ chồng hợp pháp, kết hôn từ năm 2012, đến tháng 5/2024 thì được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giải quyết cho ly hôn. Tuy nhiên, từ năm 2018 thì chị **Vũ Thị Thu H** và anh **Trần Tiến D** đã sống ly thân với nhau. Cũng từ năm 2018 chị **Vũ Thị Thu H** có quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng với anh **Lê Văn Đ**. Trong thời gian chung sống như vợ chồng với anh **Lê Văn Đ**, chị **Vũ Thị Thu H** đã sinh hai con.

Tại phiếu kết quả phân tích ADN số: KQ 2404026 ngày 30-5-2024 của Hội đồng giám định khoa học **Công ty cổ phần D1 (G)** kết luận: Anh **Lê Văn Đ**, sinh ngày 26-11-1984, số căn cước công dân: 37084011233 và cháu **Vũ Phương A**, sinh ngày 01-02-2020, giấy chứng sinh số: TT 0004190, quyển số 0042, nơi sinh: **Bệnh viện T, thành phố Hồ Chí Minh** có quan hệ huyết thống: CHA-CON.

Tại phiếu kết quả phân tích ADN số: KQ 2404024 ngày 30-5-2024 của Hội đồng giám định khoa học **Công ty cổ phần D1 (G)** kết luận: Anh **Lê Văn Đ**, sinh ngày 26-11-1984, số căn cước công dân: 37084011233 và cháu **Vũ Nam A1**, sinh ngày 08-01-2023, giấy chứng sinh số: TT 5749-DV, quyển số 080123, nơi sinh: **Bệnh viện T, thành phố Hồ Chí Minh** có quan hệ huyết thống: CHA-CON.

Như vậy, lời khai của anh **Lê Văn Đ**, chị **Vũ Thị Thu H** và anh **Trần Tiến D** về việc xác nhận cả hai cháu **Vũ Phương A**, sinh ngày 01-02-2020 và **Vũ Nam A1**, sinh ngày 08-01-2023 là con chung giữa anh **Lê Văn Đ** và chị **Vũ Thị Thu H** là đúng với thực tế, phù hợp với kết quả giám định ADN do Tòa án trưng cầu giám định. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ quy định tại Điều 89, Điều 91, Điều 101 và Điều 103 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Văn Đ**, xác định anh **Lê Văn Đ** là cha đẻ của các cháu **Vũ Phương A**, sinh ngày 01-02-2020 và cháu **Vũ Nam A1**, sinh ngày 08-01-2023.

[3] Về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Anh **Lê Văn Đ** và chị **Vũ Thị Thu H** không yêu cầu Tòa án giải quyết về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Anh **Lê Văn Đ** tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định ADN và đã nộp cho cơ quan thực hiện việc giám định nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh **Lê Văn Đ** khởi kiện xin xác định cha cho con chưa thành niên nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là chị **Vũ Thị Thu H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 89, Điều 91, Điều 101 và Điều 103 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Văn Đ**.

Xác định anh **Lê Văn Đ**, sinh ngày 26-11-1984, số căn cước công dân: 37084011233 là cha đẻ của cháu **Vũ Phương A**, sinh ngày 01-02-2020 theo giấy chứng sinh số: TT 0004190, quyển số 0042 của **Bệnh viện T, thành phố Hồ Chí Minh**.

Xác định anh **Lê Văn Đ**, sinh ngày 26-11-1984, số căn cước công dân: 37084011233 là cha đẻ của cháu **Vũ Nam A1**, sinh ngày 08-01-2023 theo giấy chứng sinh số: TT 5749-DV, quyển số 080123 của **Bệnh viện T, thành phố Hồ Chí Minh**.

Anh **Lê Văn Đ** và chị **Vũ Thị Thu H** có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục ghi vào sổ hộ tịch và làm thủ tục khai sinh cho cháu **Vũ Phương A** và cháu **Vũ Nam A1** theo quy định của pháp luật.

2. Án phí:

Chị **Vũ Thị Thu H** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Anh **Lê Văn Đ**, chị **Vũ Thị Thu H** và anh **Trần Tiến D** có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.